

NĂNG LỰC XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG HỌC TẬP TRẢI NGHIỆM CỦA SINH VIÊN SƯ PHẠM Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC

Nguyễn Thị Thùy Linh
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Tóm tắt: Bài báo làm rõ cơ sở lý luận của phát triển năng lực xây dựng môi trường học tập trải nghiệm cho sinh viên sư phạm trong bối cảnh đổi mới giáo dục. Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích tài liệu, tổng hợp nhằm xác định cấu trúc năng lực xây dựng môi trường học tập trải nghiệm của sinh viên sư phạm ở trường đại học. Năng lực xây dựng môi trường học tập trải nghiệm bao gồm các thành tố cơ bản: năng lực nhận thức về học tập trải nghiệm; năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động trải nghiệm; năng lực đánh giá và điều chỉnh môi trường học tập. Nghiên cứu góp phần hoàn thiện khung năng lực nghề nghiệp giáo viên trong bối cảnh đổi mới giáo dục.

Từ khóa: năng lực, môi trường học tập trải nghiệm, sinh viên sư phạm.

THE COMPETENCE TO DESIGN AND DEVELOP EXPERIENTIAL LEARNING ENVIRONMENTS AMONG PRE-SERVICE TEACHERS AT UNIVERSITIES

Abstract: The article aims to clarify the theoretical foundations for developing the competence to construct experiential learning environments for pre-service teachers in the context of educational reform. The study employs document analysis and synthesis to identify the structural components of this competence among pre-service teachers at universities. The competence to construct experiential learning environments comprises several core components: competence in understanding experiential learning; competence in designing and organizing experiential activities; and competence in assessing and adjusting the learning environment. The study contributes to the refinement of the professional competency framework for teachers in the context of educational innovation.

Keywords: competence, experiential learning environment, pre-service teachers

Nhận bài: 07/01/2026

Phản biện: 05/02/2026

Duyệt đăng: 10/02/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh giáo dục đại học đang chuyển mạnh sang mô hình lấy người học làm trung tâm, yêu cầu đổi mới phương pháp dạy và học ngày càng trở nên cấp thiết, đặc biệt trong đào tạo sinh viên sư phạm. Các nghiên cứu gần đây cho thấy phương pháp học tập trải nghiệm không chỉ nâng cao mức độ tham gia mà còn cải thiện nhận thức về hiệu quả học tập của sinh viên trong môi trường đại học (Villarroel et al., 2020). Đồng thời, cách tiếp cận giáo dục lấy người học làm trung tâm được chứng minh có tác động tích cực đến sự phát triển học thuật và cá nhân của người học (Bhardwaj et al., 2025), bao gồm năng lực thiết kế và tổ chức bài giảng thực tế theo mô hình học tập trải nghiệm của David Kolb (1984). Khác với phương thức dạy học truyền thống, mô hình này giúp người học chuyển từ “học bằng cách làm” sang tư duy sâu sắc; đồng thời nhấn mạnh việc tạo dựng không gian học tập an toàn, khuyến khích tư duy phản biện, đặt câu hỏi, không ngại sai và sẵn sàng thử nghiệm để điều chỉnh, hoàn thiện. Thông qua quá trình đó, tri thức được chuyển hóa thành kỹ năng nghề nghiệp thông qua việc xử lý tình huống thực tiễn, góp phần thúc đẩy sự phát triển toàn diện về năng lực chuyên môn, tư duy sáng tạo và khả năng thích ứng tâm lý.

Những điều này có ý nghĩa then chốt đối với quá trình học tập và hình thành cấu trúc năng lực nghề nghiệp của sinh viên sư phạm, đồng thời tác động trực tiếp đến chất lượng đào tạo giáo viên và chất lượng giáo dục nói chung.

Tuy nhiên, trong bối cảnh đào tạo giáo viên ở Việt Nam, các nghiên cứu chủ yếu tập trung vào đổi mới phương pháp dạy học hoặc phát triển năng lực nghề nghiệp nói chung, trong khi cấu trúc năng lực xây dựng môi trường học tập trải nghiệm cho sinh viên sư phạm chưa được xác định một cách hệ thống và tích hợp với chu trình học tập trải nghiệm. Đây chính là vấn đề mà nghiên cứu này hướng tới làm rõ.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Khái niệm năng lực xây dựng môi trường học tập trải nghiệm của sinh viên sư phạm ở trường đại học

Khái niệm môi trường học tập trải nghiệm

Trong nghiên cứu này, môi trường học tập trải nghiệm được hiểu là tổng thể các điều kiện vật chất, tâm lý, xã hội và sư phạm được thiết kế có chủ đích nhằm tổ chức và hỗ trợ quá trình học tập thông qua trải nghiệm thực tiễn và phản ánh. Khái niệm này kế thừa quan điểm về vai trò của môi trường xã hội trong phát triển nhận thức (Vygotsky,

1978) và nguyên lý học tập dựa trên kinh nghiệm của Kolb (1984). Cách tiếp cận này kế thừa quan điểm giáo dục của Dewey về mối liên hệ giữa kinh nghiệm và giáo dục (Dewey, 1938). Cách thức dạy học này yêu cầu người học tham gia tích cực, chủ động tìm hiểu, khám phá và áp dụng kiến thức vào những tình huống thực tế, từ đó hình thành kỹ năng và nhận thức sâu sắc hơn về chủ đề học tập; người dạy khuyến khích người học tham gia trải nghiệm thực tế, sau đó phản ánh, tổng kết lại để tăng cường hiểu biết, phát triển kỹ năng, hình thành những giá trị tích cực. Hướng giáo dục này gắn liền với tên tuổi của nhà nghiên cứu người Mỹ David A. Kolb. Đây cũng là hướng dạy học tích cực được các cơ sở có đào tạo ngành Sư phạm áp dụng nhằm rèn luyện, phát triển các năng lực cần thiết cho sinh viên sư phạm. Các nghiên cứu thực nghiệm gần đây trong đào tạo giáo viên cho thấy việc điều chỉnh mô hình học tập trải nghiệm theo bối cảnh sư phạm giúp tăng cường sự kết nối giữa lý thuyết và thực hành, đồng thời nâng cao năng lực nghề nghiệp của sinh viên sư phạm (Setiono et al., 2025). Điều này khẳng định tính khả thi và hiệu quả của mô hình trải nghiệm trong giáo dục giáo viên hiện đại.

Theo Kolb, “học tập trải nghiệm” có thể được định nghĩa là một quá trình học tập mà “kiến thức là kết quả của sự kết hợp giữa việc nắm bắt và biến đổi một kinh nghiệm. Kiến thức được tạo ra thông qua sự biến đổi của kinh nghiệm” (Kolb, 1984).

Trong nghiên cứu này, môi trường học tập trải nghiệm được hiểu là tổng thể các điều kiện vật chất, tâm lý, xã hội và sư phạm được thiết kế nhằm tổ chức và hỗ trợ quá trình học tập thông qua trải nghiệm thực tiễn và phản ánh. Khác với môi trường học tập truyền thống chủ yếu dựa trên truyền thụ kiến thức, môi trường học tập trải nghiệm nhấn mạnh sự tham gia chủ động của người học vào các hoạt động thực hành, xử lý tình huống và giải quyết vấn đề thực tiễn.

Khái niệm năng lực xây dựng môi trường học tập trải nghiệm cho sinh viên sư phạm ở trường đại học

Năng lực được hiểu là sự tích hợp của kiến thức, kỹ năng, thái độ và các thuộc tính cá nhân cho phép cá nhân thực hiện thành công một hoạt động trong những điều kiện cụ thể (Weinert, 2001; OECD, 2005). Đối với sinh viên sư phạm, năng lực nghề nghiệp bao gồm hệ thống các năng lực chuyên môn và năng lực sư phạm như năng lực thiết kế bài giảng, tổ chức hoạt động dạy học,

đánh giá kết quả học tập, quản lý lớp học và thích ứng với môi trường giáo dục. Những năng lực này được hình thành và phát triển thông qua quá trình đào tạo gắn với thực hành nghề nghiệp và trải nghiệm thực tế.

Đối với xây dựng môi trường học tập trải nghiệm, tác giả Đặng Thành Hưng cho rằng, các yếu tố thuộc môi trường học tập trải nghiệm luôn tồn tại, xây dựng môi trường học tập trải nghiệm là tạo ra cơ chế vận động của các yếu tố đó một cách tích cực, mang lại hiệu quả. Trong nghiên cứu này, tác giả cho rằng năng lực xây dựng môi trường học tập trải nghiệm chính là sự vận dụng quy chuẩn về chu trình áp dụng bốn giai đoạn học tập trải nghiệm cùng sự phù hợp về kiến thức, kỹ năng, thái độ để tạo ra điều kiện về vật chất và tinh thần tương ứng với hoàn cảnh thực tế nhằm đảm bảo cho hoạt động học tập được diễn ra hiệu quả nhất.

Như vậy có thể hiểu là năng lực xây dựng môi trường học tập trải nghiệm của sinh viên sư phạm ở trường đại học có thể được hiểu là khả năng của sinh viên trong việc thiết kế, tổ chức, điều hành và đánh giá các điều kiện học tập dựa trên nguyên lý học tập trải nghiệm nhằm phát triển năng lực nghề nghiệp cho người học. Năng lực này bao gồm khả năng lựa chọn nội dung phù hợp, xây dựng tình huống thực tiễn, tổ chức hoạt động trải nghiệm theo chu trình học tập, tạo lập không gian học tập an toàn và thúc đẩy quá trình phản biện, tư duy.

2.2. Cơ sở xác định năng lực xây dựng môi trường học tập trải nghiệm

2.2.1. Cơ sở khoa học

Cơ sở từ lý thuyết học tập trải nghiệm

Lý thuyết học tập trải nghiệm của Kolb cho rằng quá trình học tập diễn ra thông qua chu trình gồm bốn giai đoạn: trải nghiệm cụ thể, quan sát phản tư, khái quát hóa khái niệm và vận dụng thử nghiệm. Theo cách tiếp cận này, môi trường học tập không chỉ là không gian vật lý mà là tổng thể các điều kiện sư phạm tạo cơ hội cho người học tham gia vào chu trình trải nghiệm một cách tích cực và có ý nghĩa. Do đó, năng lực xây dựng môi trường học tập trải nghiệm phải bao gồm khả năng thiết kế tình huống trải nghiệm, tổ chức hoạt động phản tư và hỗ trợ người học vận dụng kiến thức vào bối cảnh mới.

Cơ sở từ tiếp cận giáo dục định hướng năng lực

Giáo dục định hướng năng lực xác định năng lực là khả năng huy động tổng hợp kiến thức, kỹ năng và thái độ để giải quyết nhiệm vụ trong bối

cảnh cụ thể. Trong đào tạo giáo viên, năng lực nghề nghiệp không chỉ bao gồm năng lực chuyên môn mà còn bao gồm năng lực tổ chức môi trường học tập. Vì vậy, khung năng lực xây dựng môi trường học tập trải nghiệm cần phản ánh đầy đủ các thành tố nhận thức, thiết kế, tổ chức, đánh giá và điều chỉnh môi trường học tập.

Cơ sở từ lý thuyết môi trường học tập

Các nghiên cứu về môi trường học tập hiện đại nhấn mạnh tính đa chiều của môi trường, bao gồm môi trường vật chất, môi trường tâm lý – xã hội và môi trường học thuật. Môi trường học tập trải nghiệm đòi hỏi sự tích hợp giữa không gian linh hoạt, tương tác tích cực và các nguồn học liệu mở. Do đó, sinh viên sư phạm cần có năng lực tạo lập bầu không khí lớp học tích cực, khuyến khích hợp tác và hỗ trợ sự tham gia của người học.

2.2.2. Cơ sở pháp lý

Cơ sở từ chuẩn nghề nghiệp giáo viên

Chuẩn nghề nghiệp giáo viên phổ thông tại Việt Nam quy định giáo viên phải có năng lực xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh và phát triển. Điều này cung cấp cơ sở pháp lý để tích hợp năng lực xây dựng môi trường học tập trải nghiệm vào khung năng lực đào tạo giáo viên. Như vậy, việc xác định khung năng lực không chỉ dựa trên lý thuyết giáo dục mà còn gắn với yêu cầu nghề nghiệp cụ thể.

2.2.3. Cơ sở thực tiễn

Yêu cầu của đổi mới giáo dục phổ thông

Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 đặt trọng tâm vào phát triển phẩm chất và năng lực học sinh, đồng thời khuyến khích tổ chức các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp. Điều này đòi hỏi giáo viên tương lai phải có khả năng thiết kế môi trường học tập đa dạng, linh hoạt và gắn với thực tiễn. Thực tiễn triển khai chương trình cho thấy nếu giáo viên thiếu năng lực tổ chức môi trường trải nghiệm, hoạt động học dễ quay lại mô hình truyền thụ truyền thống.

Thực trạng đào tạo giáo viên

Kết quả khảo sát ở nhiều cơ sở đào tạo sư phạm cho thấy sinh viên thường được trang bị kiến thức lý luận về phương pháp dạy học nhưng còn hạn chế trong việc thiết kế không gian và điều kiện học tập mang tính trải nghiệm. Hoạt động thực tập sư phạm đôi khi còn thiên về thực hành giảng dạy nội dung hơn là tổ chức môi trường học tập. Điều này đặt ra nhu cầu cụ thể hóa và hệ thống hóa khung năng lực liên quan đến xây dựng môi trường học tập trải nghiệm.

Yêu cầu của chuyển đổi số và bối cảnh mới

Trong bối cảnh chuyển đổi số và giáo dục linh hoạt, môi trường học tập không còn giới hạn trong lớp học truyền thống mà mở rộng sang môi trường trực tuyến và kết hợp. Sinh viên sư phạm cần có năng lực tổ chức môi trường học tập trải nghiệm trong cả không gian vật lý và số hóa. Thực tiễn này làm xuất hiện các yêu cầu mới về năng lực công nghệ, quản lý tương tác và hỗ trợ học tập cá nhân hóa.

2.3. Cấu trúc năng lực xây dựng môi trường học tập trải nghiệm

Cấu trúc năng lực được xác lập trên quan điểm năng lực như một cấu trúc tích hợp (Weinert, 2001; OECD, 2005) và gắn với logic của chu trình học tập trải nghiệm (Kolb, 1984).

2.3.1. Năng lực nhận thức về học tập trải nghiệm

Năng lực này bao gồm khả năng hiểu và giải thích được bản chất, vai trò và nguyên tắc của học tập trải nghiệm; nhận diện được các yếu tố cấu thành môi trường học tập trải nghiệm (không gian vật lý, môi trường tâm lý – xã hội, học liệu, hoạt động học tập, tương tác sư phạm). Đối với sinh viên sư phạm, đây là nền tảng để hình thành tư duy thiết kế dạy học theo định hướng phát triển năng lực.

Những kết quả thực nghiệm trong giáo dục đại học cũng chỉ ra rằng việc tổ chức chu trình học tập trải nghiệm một cách hệ thống góp phần nâng cao khả năng tự đánh giá, tư duy phản biện và mức độ tự chủ học tập của sinh viên (Villarreal et al., 2020). Điều này đặc biệt có ý nghĩa trong đào tạo giáo viên, nơi năng lực thích ứng và điều chỉnh phương pháp dạy học đóng vai trò cốt lõi.

2.3.2. Năng lực thiết kế môi trường học tập trải nghiệm

Thể hiện khả năng phân tích mục tiêu bài học, đặc điểm người học và bối cảnh thực tiễn (trường phổ thông thực tập) để xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm phù hợp. Năng lực này bao gồm: thiết kế tình huống học tập gắn với thực tiễn; lựa chọn và phát triển học liệu; dự kiến phương án tổ chức tương tác và hợp tác; tích hợp phương tiện và công nghệ dạy học.

Cách tiếp cận xây dựng môi trường học tập trải nghiệm theo định hướng phát triển năng lực phù hợp với xu hướng giáo dục đại học lấy người học làm trung tâm, trong đó người học đóng vai trò chủ thể tích cực của quá trình kiến tạo tri thức (Li, 2021; Bhardwaj et al., 2025). Việc thiết kế nhiệm vụ học tập mang tính mở, thực tiễn và phản ánh

không chỉ thúc đẩy sự tham gia mà còn tạo điều kiện cho sinh viên phát triển năng lực nghề nghiệp bền vững.

2.3.3. Năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm

Sinh viên sư phạm cần có khả năng triển khai tiến trình dạy học theo chu trình trải nghiệm (trải nghiệm – phản ánh – khái quát – vận dụng); điều phối hoạt động nhóm; tạo lập bầu không khí học tập tích cực; xử lý tình huống sư phạm phát sinh trong quá trình thực tập. Mức độ thành thực của năng lực này phản ánh khả năng chuyển hóa tri thức lý luận thành hành động nghề nghiệp.

2.3.4. Năng lực đánh giá và điều chỉnh môi trường học tập

Bao gồm khả năng xây dựng công cụ đánh giá phù hợp với mục tiêu trải nghiệm; thu thập minh chứng học tập; đưa ra phản hồi mang tính phát triển cho người học. Đồng thời, sinh viên sư phạm

cần thực hiện phản ánh nghề nghiệp, tự đánh giá hiệu quả môi trường học tập đã xây dựng để điều chỉnh và hoàn thiện trong các lần tổ chức tiếp theo.

III. KẾT LUẬN

Nghiên cứu đã hệ thống hóa cơ sở lý luận về học tập trải nghiệm và phát triển năng lực trong đào tạo giáo viên, đồng thời đề xuất cấu trúc năng lực xây dựng môi trường học tập trải nghiệm dành cho sinh viên sư phạm gồm năm thành tố: (1) năng lực nhận thức cơ sở lý luận; (2) năng lực thiết kế môi trường học tập trải nghiệm; (3) năng lực tổ chức và điều chỉnh hoạt động trải nghiệm; (4) năng lực đánh giá và phản ánh sư phạm; (5) thái độ và phẩm chất nghề nghiệp.

Cấu trúc này có thể được sử dụng làm cơ sở xây dựng chuẩn đầu ra, thiết kế học phần thực hành nghề nghiệp và phát triển bộ tiêu chí đánh giá năng lực sinh viên sư phạm theo định hướng phát triển năng lực.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bhardwaj, V. B., Zhang, S., & Tan, Y. Q. (2025). Redefining learning: Student-centered strategies for academic and personal growth. *Frontiers in Education*. Advance online publication. <https://doi.org/xxxxx>
- Đặng Thành Hưng. (2002). *Dạy học hiện đại: Lý luận – biện pháp – kỹ thuật*. Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.
- Dewey, J. (1938). *Experience and education*. Macmillan.
- Kolb, D. A. (1984). *Experiential learning: Experience as the source of learning and development*. Prentice-Hall.
- Li, J. (2021). Learner-centred learning tasks in higher education. *Education Sciences*, 11(5), 230. <https://doi.org/10.3390/educsci11050230>
- Nguyễn Như Ý (Chủ biên). (1999). *Đại từ điển tiếng Việt*. Nhà xuất bản Văn hóa – Thông tin.
- Organisation for Economic Co-operation and Development. (2005). *The definition and selection of key competencies: Executive summary*.
- Setiono, P., Setyosari, P., Praherdhiono, H., Harsiati, T., & Amaliyah, Y. (2025). Connecting theory into practice: Modifying experiential learning for pre-service teachers through the Delphi method. *Social Sciences & Humanities Open*. Advance online publication. <https://doi.org/xxxxx>
- Villarroel, V., Benavente, M., Chuecas, M. J., & Bruna, D. (2020). Experiential learning in higher education: A student-centered teaching method that improves perceived learning. *Journal of University Teaching & Learning Practice*, 17(5). <https://doi.org/10.53761/1.17.5.2>